

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỰC NINH
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 106/2024/ HNGĐ-ST

Ngày 20 - 08 - 2024

V/v ly hôn giữa chị Dung và
anh Trình

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Kim Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Chuyết

Ông Vũ Văn Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngát – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trục Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Phụng – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 08 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trục Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2024/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 05 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2024/TLST- HNGĐ ngày 31 tháng 07 năm 2024, về việc ly hôn, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Mai Thị D, sinh năm: 1991

- *Bị đơn:* Anh Đồng Văn T, sinh năm: 1993

Cùng nơi cư trú: Thôn B, L, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị D, anh T vắng mặt (chị D có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình tố tụng, nguyên đơn là chị Mai Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đồng Văn T kết hôn với nhau do tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định vào tháng 01 năm 2013. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường hạnh phúc. Từ tháng 3/2020 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân: Do anh T ngoại tình,

không quan tâm gì đến gia đình vợ con, chị và anh T sống ly thân từ tháng 9/2020. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đồng Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đồng Thế A, sinh ngày 06 tháng 04 năm 2014, Đồng Minh Đ, sinh ngày 08 tháng 12 năm 2018 hiện con đang ở cùng chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi cả 02 con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai bà Đào Thị H là mẹ đẻ anh Đồng Văn T trình bày: Về thời gian kết hôn như chị D đã trình bày, sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống cùng gia đình bà và sinh được 02 con chung, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: Do anh T đi làm ở Hà Nội có quan hệ ngoại tình không quan tâm gì đến vợ con, vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ lâu, nay chị D có đơn đề nghị xin ly hôn anh T gia đình bà xác định anh chị đã mâu thuẫn và sống ly thân từ lâu bà nhất trí việc chị D xin ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng anh T có 02 con chung là Đồng Thế A, sinh ngày 06 tháng 04 năm 2014; Đồng Minh Đ, sinh ngày 08 tháng 12 năm 2018 hiện con đang ở cùng chị D.

Về tài sản: Vợ chồng anh T không có tài sản chung, riêng gì.

Thời gian qua bà đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án về việc chị D xin ly hôn anh T và các thông báo của Tòa án gửi cho anh T, bà đã thông báo cho anh T đã biết, nhưng do bận công việc nên anh không đến Tòa án được.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh phát biểu ý kiến:*

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán và HĐXX đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Đối với nguyên đơn; Từ khi thụ lý vụ án, chị D thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 BLTTDS. Bị đơn: Anh T vắng mặt không có lý do tại các buổi làm việc và tại phiên tòa là chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 BLTTDS.

- Về nội dung: Áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của chị Mai Thị D, xử cho ly hôn giữa chị Mai Thị D và anh Đồng Văn T; Áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Giao cháu Đồng Thế A, sinh ngày 06 tháng 04 năm 2014 và Đồng Minh Đ, sinh ngày 08 tháng 12 năm 2018 cho chị Mai Thị D tiếp tục nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con; Về tài sản, công nợ: Chị D không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét. Áp dụng Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Tòa án tuyên án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Mai Thị D vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy việc Tòa án xét xử vắng mặt chị Mai Thị D là đúng theo quy định tại điểm khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Đồng Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Theo điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Đồng Văn T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị D và anh Đồng Văn T kết hôn với nhau vào ngày 12 tháng 01 năm 2013, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Từ tháng 3/2020 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân: Do anh T ngoại tình, không quan tâm đến gia đình vợ con, vợ chồng sống ly thân từ tháng 9/2020 đến nay. Nay chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đồng Văn T.

Xét thực tế quan hệ hôn nhân giữa chị Mai Thị D và anh Đồng Văn T đã thực sự tan vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Mai Thị D là phù hợp với quy định của Pháp luật

[3] Về con chung: HĐXX xét thấy; Tại phiên tòa anh T vắng mặt, chị D vắng mặt nhưng có lời khai và quan điểm về yêu cầu nuôi con chung, mặt khác các con chung đang ở với chị D. Do vậy, để ổn định cuộc sống hiện tại cũng như việc học tập, chăm sóc giáo dục các con nên giao chị D có trách nhiệm nuôi dưỡng cả 02 con chung. Chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con.

[4] Về tài sản, công nợ: Chị Mai Thị D không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Mai Thị D phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82,83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử cho ly hôn giữa chị Mai Thị D và anh Đồng Văn T.

2. Con chung: Giao chị Mai Thị D có trách nhiệm nuôi dưỡng con chung là Đồng Thế A, sinh ngày 06 tháng 04 năm 2014; Đồng Minh Đ, sinh ngày 08 tháng 12 năm 2018 (hiện con đang ở cùng chị), chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con.

Anh Đồng Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí: Chị Mai Thị D phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được đối trừ tiền dự thu án phí đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0004015 ngày 16 tháng 05 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trục Ninh. Chị Mai Thị D đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Chị Mai Thị D và anh Đồng Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trục Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trục Ninh;
- UBND xã Trục Khang, huyện Trục Ninh;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Thu